TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 429/2020/HNGĐ-ST Ngày: 20-8-2020 V/v: Ly hôn, nuôi con giữa chị D và anh D	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Bang

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Văn Giản

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Soan – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa***: Bà Vũ Ngọc Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 265/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đinh Thị Thùy D, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Số nhà 11/37 đường C, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Uông Sỹ D, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Số nhà 26/1/122 đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị Thùy D có mặt, bị đơn anh Uông Sỹ D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 16-6-2020, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị Thùy D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Uông Sỹ D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 11-12-2015 tại Ủy ban nhân dân phường Trần Tế Xương, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D chơi bời, không quan tâm đến vợ con và nhiều lần đánh đập chị. Chị đã đưa con bỏ đi nơi khác sinh sống. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ thời gian đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết nên đề nghị giải quyết ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Uông Nam T, sinh ngày 11-11-2014 và Uông Cát Tường V, sinh ngày 24-11-2018. Các con hiện đang ở cùng với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Đinh Thị Thùy D xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06 tháng 7 năm 2020 và tại biên bản hòa giải lần thứ nhất ngày 07 tháng 7 năm 2020 bị đơn là anh Uông Sỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh trình bày thống nhất với chị D về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị D trình bày. Anh nhất trí giao cả hai con cho chị D nuôi dưỡng. Anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản và công nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Tuy nhiên tại bản tự khai và tại phiên hòa giải lần thứ nhất anh D chỉ trình bày quan điểm rồi bỏ về, từ chối ký vào biên bản mà không nói lý do.

Biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 06-7-2020, chính quyền địa phương nơi chị D và anh D sinh sống cung cấp: Vợ chồng chị Đinh Thị Thùy D và anh Uông Sỹ D cư trú tại số nhà 26/1/122 đường T, phường Trần Tế X, thành phố N, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Tổ dân phố đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Về con chung, vợ chồng có 02 con là Uông Nam T, sinh năm 2014 và Uông Cát Tường V, sinh năm 2018. Hiện đang cháu đang ở cùng với chị D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định căn cứ vào Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 97 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Xét mâu thuẫn giữa chị Đinh Thị Thùy D và anh Uông Sỹ D đã trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị D và anh D.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Uông Nam T, sinh ngày 11-11-2014 và Uông Cát Tường V, sinh ngày 24-11-2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Đinh Thị Thùy D và anh Uông Sỹ D không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Uông Sỹ D đã được tống đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về hôn nhân: Chị Đinh Thị Thùy D và anh Uông Sỹ D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11-12-2015 tại Ủy ban nhân dân phường Trần Tế Xương, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống của chị Chị Đinh Thị Thùy D và anh Uông Sỹ D phát sinh mâu thuẫn. Chị D đã bỏ đi nơi khác sinh sống. Vợ chồng sống ly thân kéo dài. Anh D đã đến Tòa án làm việc, trình bày quan điểm đồng ý ly hôn nhưng từ chối ký vào biên bản mà không nói rõ lý do. Tại phiên tòa anh D vắng mặt không có lý do thể hiện việc anh D không có thiện chí hòa giải, giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng. Tại phiên tòa chị D giữ nguyên yêu cầu đề nghị giải quyết ly hôn với anh D. Xét mâu thuẫn của vợ chồng chị D và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ

xử cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Thùy D và anh Uông Sỹ D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

[3.1] Về con chung: Chị Đinh Thị Thùy D và anh Uông Sỹ D có hai con chung là Uông Nam T, sinh ngày 11-11-2014 và Uông Cát Tường V, sinh ngày 24-11-2018. Hiện tại cả hai con đang sống cùng với chị D. Để đảm bảo sự ổn định và sự phát triển của con, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Uông Nam T và Uông Cát Tường V cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh D cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị Đinh Thị Thùy D và anh Uông Sỹ D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn là chị Đinh Thị Thùy D phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Đinh Thị Thùy D và anh Uông Sỹ D.

2. Về nuôi con: Giao con Uông Nam T, giới tính: nam, sinh ngày 11-11-2014 và Uông Cát Tường V, giới tính: nữ, sinh ngày 24-11-2018 cho chị Đinh Thị Thùy D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Uông Sỹ D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Uông Sỹ D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đinh Thị Thùy D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002998 ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị Thùy D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Uông Sỹ D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND phường Trần Tế Xương, TP. Nam Định (11-12-2015);
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Bang